

XU HƯỚNG CÁ THỂ HÓA NIỀM TIN TÔN GIÁO HIỆN NAY

Tóm tắt: Trong những thập niên gần đây, không chỉ “tôn giáo” mà ngay cả tính tôn giáo, niềm tin tôn giáo, tình cảm tôn giáo có những biến chuyển phức tạp, khiến các nhà nghiên cứu tôn giáo gặp nhiều khó khăn trong việc giải thích các “hiện tượng tôn giáo mới” cũng như tôn giáo nói chung. Hiện nay, giới xã hội học tôn giáo Âu - Mỹ đang trao đổi nhiều về “sự chuyển đổi tôn giáo” (Religious Switching), từ việc cải giáo sang các tôn giáo khác, hội nhập vào các kiểu giáo hội, giáo phái mới, thậm chí ‘đào bới’ toàn bộ một tôn giáo nào đó,... Bài viết này đi sâu vào một trong các xu hướng như thế. Theo chúng tôi, “xu hướng cá thể hóa tôn giáo” là xu hướng phổ biến và có tính cốt lõi của sự chuyển đổi tôn giáo. Bài viết hướng tới việc cắt nghĩa “những logic chuyển đổi của tính tôn giáo” và những xu hướng của nó. Bằng phương pháp hình loại học (typologie), bài viết đưa ra 4 dạng thức cụ thể của xu hướng cá thể hóa niềm tin tôn giáo với những đặc tính, biểu hiện của chúng. Nghiên cứu này có thể góp phần tiếp cận các hiện tượng tôn giáo ngày càng phong phú, phức tạp trong đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay, đặc biệt với “hiện tượng tôn giáo mới”.

Từ khóa: Chuyển đổi tôn giáo, tính tôn giáo, tâm thức tôn giáo, tính hiện đại, thể tục hóa, cá thể hóa niềm tin tôn giáo.

1. Những logic của xu hướng cá thể hóa niềm tin tôn giáo

Từ thập niên 70 của thế kỷ trước, giới xã hội học tôn giáo ngày càng đề tâm đến hiện tượng “chuyển đổi tôn giáo” ngày càng lan rộng trong đời sống tôn giáo thế giới. Chuyển đổi tôn giáo ngày nay được hiểu không chỉ là sự biểu hiện của những xu hướng, những hiện tượng tôn giáo quen thuộc như việc cải giáo (convertir), sự chuyển biến của các giáo phái, hệ phái mà còn là sự biến đổi chiều sâu từ trong lòng các thực thể tôn giáo, trước hết là sự chuyển biến của tính tôn giáo, tâm thức tôn giáo, tình cảm tôn giáo... vốn là những khái niệm căn bản của “tôn giáo”.

* Giáo sư, Tiến sĩ. Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nhận định có tính cách bao quát về sự chuyển biến của tính tôn giáo trong bối cảnh toàn cầu hóa, J. P. Willaime đưa ra một nhận định đáng chú ý: “Hiện nay, tôn giáo đang đứng giữa logic của “tính cá nhân hóa” và một bên là tính “toàn cầu hóa”. Logic cá nhân hóa sinh ra như một dạng của *do it yourself* (nguyên nghĩa tiếng Anh, nghĩa là “hãy tự mình làm”) - để kích động những người lựa chọn tôn giáo theo nguyên tắc này từ bỏ việc gắn với thể chế tôn giáo, cũng như tìm kiếm hoặc thể nghiệm ở tôn giáo khác. Trong khi đó, tính logic của toàn cầu hóa lại khiến cho tâm thức tôn giáo được mở rộng ra và kéo những tôn giáo nổi tiếng ở rất xa lại gần hơn...”¹.

Trong tiểu luận nghiên cứu rất giá trị này, tác giả cũng đã có những nhận xét đáng chú ý riêng về xu hướng “cá thể hóa tôn giáo” mà ông coi là xu hướng quan trọng và tiêu biểu nhất trong sự chuyển đổi tôn giáo ở châu Âu cũng như nước Pháp từ giữa thế kỷ XX trở lại. J. P. Willaime viết: “Sự giảm sút về tính thể chế và sự giải văn hóa (*déculturation*) của Kitô giáo, dẫn đến tình trạng “vô tổ chức trong tôn giáo”, đã cho thấy rõ sự phân tán về mặt xã hội và văn hóa của tâm thức tôn giáo. Nói cách khác, tôn giáo ngày nay dường như ít được cấu trúc trên cơ sở xã hội và văn hóa. Nằm giữa sự toàn cầu hóa và cá nhân hóa, chính các tôn giáo đã nhận thấy biên giới của mình trong các “quốc gia tượng trưng”, sự xói mòn và trở nên mờ nhạt của bản sắc tôn giáo, sự khó minh định và lỏng lẻo. Chúng ta đang ở thời đại của chủ nghĩa hỗn hợp, của sự pha trộn các truyền thống: các biên giới biểu tượng tôn giáo đã có nhiều lỗ hổng và các cá nhân đứng trước rất nhiều sự mời gọi”².

Giới xã hội học Âu - Mỹ có cách nhìn chung là, cần phải bắt đầu từ việc nhận thức lại “định nghĩa tôn giáo”, thông qua việc tiếp cận xã hội học của “sự kiện tôn giáo” (*le fait religieux*), tương ứng như một “sự kiện xã hội” (*le fait social*) để cắt nghĩa sự biến đổi ấy. Tuy vậy, cái nhìn châu Âu, nhất là giới xã hội học Pháp, từ Hénchelin, Y. Lambert, F. Champion đến J. P. Willaime thường nhấn mạnh sự chuyển đổi niềm tin tôn giáo trong sự tác động của truyền thống *duy lý hóa* (M. Weber) hoặc *tôn giáo - xã hội* của Durkheim. Trong khi đó, các nhà xã hội học Mỹ, từ Bellat, P. Berger đến Smith lại chú ý đến vai trò của sự phát triển “thị trường tôn giáo”, trong đó sự chi phối của quy luật *cung* và *cầu*, cũng như sự chuyển đổi của tính tôn giáo như một thứ “hàng hóa”, trong bối cảnh thế giới hậu - hiện đại (*post-modernity*).

Có thể nói, trong sự “chuyển đổi tôn giáo” hiện nay, theo chúng tôi, xuất phát từ vấn đề căn bản là sự biến đổi của tính tôn giáo (religiosité) và tâm thức tôn giáo (religieux), những khái niệm rất căn bản phản ánh tính chất, đặc điểm, thái độ của cá nhân và cộng đồng đối với tôn giáo mà họ lựa chọn. Vấn đề là ở chỗ, như nhiều nhà nghiên cứu nhận xét, từ thập niên 70, trong bối cảnh phục hồi của tôn giáo trên toàn cầu, một xu hướng tái “khôi phục phép màu” (charistique) như phát hiện của nhà xã hội học nổi tiếng người Mỹ là P. Berger và được ông khái quát trong khái niệm “xu hướng giải tục hóa” (De-secularization)³.

Các nhà xã hội học Pháp rất quan tâm đến mối quan hệ giữa tính hiện đại và tôn giáo. Các luận điểm nổi tiếng của Gauchet, Monod, tính hiện đại đều được xác định bởi đặc trưng là “sự thoát khỏi tôn giáo”, dù rằng điều đó cũng khó được minh định, nhưng nó vẫn có ảnh hưởng đến cách nhìn của giới xã hội học. Qua thực tiễn của đời sống tôn giáo thế giới, bên cạnh tác động của tính hiện đại, còn phải tính đến môi trường các nhà nước thế tục với nguyên tắc phân tách và những triết lý chính trị của chủ nghĩa thế tục, khiến người ta đã từng nghĩ rằng tôn giáo sẽ lụi tàn. Với những phát hiện của P. Berger và những người khác, khái niệm “giải tục hóa” đi liền với lý thuyết mới về “thị trường tôn giáo” (Religious Market), một cái nhìn mới về “số phận” của các tôn giáo trong xã hội hiện đại đã hình thành. Lý giải về hiện tượng quan trọng “các tôn giáo đã sống sót trước tính hiện đại” như phát hiện của P. Berger được J. Séguéy phân tích: “Các tôn giáo không những sống sót trước tính hiện đại và tục hóa mà còn có hướng phát triển. Đó là tính hiện đại “sản xuất” ra tính tôn giáo, kết cấu tôn giáo theo hình ảnh của nó, hài hòa với điều kiện văn hóa xã hội và đó là một thứ tôn giáo “trong tự do” (en liberté)”⁴.

Các nhà xã hội Pháp từ đó đưa ra những nhận định quan trọng khác trong mối quan hệ giữa tôn giáo và tính hiện đại. Chẳng hạn, họ đưa ra luận đề sự phục hồi và đổi mới tôn giáo trong các xã hội Âu - Mỹ đã diễn ra mà không nhất thiết mâu thuẫn với sự phát triển của chủ nghĩa thế tục. Điều quan trọng hơn là, giới xã hội học Pháp đã có những đóng góp khác rất quan trọng về những xu hướng biến chuyển của tính tôn giáo trong khung cảnh châu Âu. Từ cái nhìn tương đối đồng thuận về sự biến đổi tôn giáo ở khu vực này liên quan đến đời sống tôn giáo của cá nhân, các cộng đồng tôn giáo khi châu Âu đã “chấp nhận đa nguyên hóa đời sống tôn giáo”, tất cả đã tạo nên sự chuyển đổi tôn giáo quan trọng, trong đó có 3 xu hướng liên quan đến vấn đề cốt lõi của niềm tin tôn giáo: xu

hướng cá thể hóa niềm tin, xu hướng xúc cảm tôn giáo và xu hướng “cứu rỗi ngay trong thế giới này”, nói cách khác là xu hướng “hướng tới trần gian”...⁵.

Có thể nói, sự biến đổi về tính tôn giáo cơ bản và quyết định nhất vẫn là xu hướng cá thể hóa niềm tin như chúng tôi đã nêu vấn đề. Dưới đây, trước hết chúng tôi muốn cắt nghĩa logic của sự biến đổi quan trọng này của đời sống tôn giáo.

Nhận định này cho thấy một đặc tính quan trọng của xu thế cá thể hóa tôn giáo, trong xã hội hiện đại và tục hóa cũng như xu thế toàn cầu hóa, những yếu tố cơ bản tạo nên các tôn giáo truyền thống trong lịch sử, nhất là các tôn giáo thế giới như: cơ sở xã hội và tộc người, văn hóa và tâm thức tôn giáo,... đã bị phai nhạt. Đây là những yếu tố khách quan chủ yếu dẫn đến sự chuyển đổi tôn giáo hiện nay.

Lưu ý rằng, sự chuyển đổi tôn giáo còn phải được nhìn nhận trong những văn cảnh rộng lớn hơn. Xu thế toàn cầu hóa dễ nhận thấy trong lĩnh vực kinh tế và văn hóa, nhưng cũng được không ít các nhà nghiên cứu cho rằng, nó cũng đã tác động, đảo lộn đời sống tôn giáo và đường như đã có cả xu hướng “toàn cầu hóa tôn giáo”⁶. Xu hướng mới mẻ và quan trọng này thể hiện trước hết ở những biến chuyển của “thế giới Tin Lành”, Công giáo, thậm chí cả với Phật giáo, Ấn giáo,...

Riêng với sự chuyển biến của đời sống đức tin, nhiều nhà nghiên cứu đã chú ý ở cả hai tầng cấp: xu hướng cá thể hóa niềm tin diễn ra song song với logic của “toàn cầu hóa niềm tin”. Chính các tôn giáo đứng trước sự tác động hai xu thế đối nghịch nhau đã biến chuyển theo những chiều kích chưa từng có. Thậm chí, tính tôn giáo, tâm thức tôn giáo là những giá trị căn bản của một “tôn giáo” cũng thay đổi mạnh mẽ và bất ngờ. Có những nhà xã hội học tôn giáo đã gọi hiện tượng đó là “sự xói mòn bản sắc tôn giáo” và với các cá nhân tôn giáo cũng khó khăn trong việc minh định các “đường biên giới” này, trong thời đại của một chủ nghĩa hỗn hợp, pha trộn giữa truyền thống và hiện đại ở cấp độ.

Các nhà xã hội học tôn giáo, như đã nói ở trên, cũng rất chú ý đến “những đặc trưng của thế tục hóa hoặc những di sản chung của tính thế tục” đối với các cá thể tôn giáo.

Thực ra, đây là những vấn đề được tranh luận từ cuối thập niên 1970. Chính Peter Beger, một trong những cha đẻ của chủ nghĩa thế tục ở Mỹ

đã cho ra mắt cuốn “Sự giải thể tục của thế giới” (The Desecularization of the World, 1999) đã tự phủ định mình khi cho rằng, khi tôn giáo được phục hồi, xu thế giải thể hóa đã bắt đầu bằng sự “tái khôi phục phép màu và sự tái đầu tư của lĩnh vực công” qua các tôn giáo.

Nghiên cứu của P. Berger ảnh hưởng đến giới nghiên cứu trong việc làm rõ thêm những đặc trưng của xu thế “giải thể hóa”, trong đó nổi bật là sự hình thành “thị trường tôn giáo” (Religious Market) và tác động của nó đến tâm thức, niềm tin tôn giáo. Họ chú trọng vào những hệ quả sau đây:

Hệ quả thứ nhất, các tổ chức tôn giáo mất dần quyền lực với tổ chức xã hội, chúng không còn khả năng áp đặt những luật lệ của mình với xã hội, thậm chí còn tạo ra những “khe hở” xã hội, sinh ra quá trình *tự trị hóa* và *chuyên môn hóa* của các thiết chế xã hội và tôn giáo”⁷.

Sự phân giải về thể chế các tôn giáo nhất thần ở châu Âu do tác động của thể tục hóa thực ra được bắt nguồn từ những nghiên cứu của M. Weber khi ông đưa ra thuật ngữ “thể tục hóa” vào xã hội học tôn giáo, ít nhất cũng trong tác phẩm nổi tiếng “Đạo đức Tin Lành và chủ nghĩa tư bản” (1912). Dần dần, các nhà xã hội học tôn giáo còn tách biệt hai khái niệm “quá trình thể tục hóa” (Laicisation) và “trần tục hóa” (Sécularisation), theo cách dùng của người Pháp. Theo đó, “trần tục hóa” thường liên quan đến “trong thời gian” và đối lập với “cái thiêng” vốn có đặc tính “phi thời gian”. Nhưng điều quan trọng là, trong môi trường nhà nước thể tục, tính hiện đại, sự suy giảm thể chế khiến các tôn giáo lớn trong xã hội Âu - Mỹ “đánh mất ảnh hưởng xã hội”.

Hệ quả thứ hai, thể tục hóa cũng dẫn đến *đa nguyên hóa* tôn giáo. Một thị trường tôn giáo có cạnh tranh: “Tôn giáo xưa kia có thể áp đặt một cách độc đoán, từ nay được thương mại hóa. Nó được bán cho khách hàng mà người mua cũng không bị ràng buộc”⁸. Trong một thị trường tôn giáo như thế, không những các thiết chế tôn giáo mà ngay cả các thủ lĩnh tôn giáo cũng không còn vị trí thiêng liêng của người “có nhiều phép màu” nữa (M. Weber).

Ý nghĩa sâu xa của việc các xã hội Âu - Mỹ chấp nhận đa nguyên tôn giáo là ở chỗ, cùng với sự biến đổi nhân khẩu học tôn giáo (Demography) là sự “đa nguyên hóa nguồn cung tôn giáo” (Pluralisation de l’offre religieuse), yếu tố trước hết để xuất hiện *thị trường tôn giáo* với sự cạnh tranh ngày càng rõ rệt.

Như vậy là, gần như đồng thời với sự suy giảm của các thiết chế tôn giáo, sự suy giảm ảnh hưởng xã hội của chúng, sự đòi hỏi ngày càng cao của *bên cầu* (la dement), xu hướng đa nguyên hóa tôn giáo đã thúc đẩy trực tiếp việc hình thành khuynh hướng cá thể hóa niềm tin.

Hệ quả thứ ba, quá trình phân hóa thể chế tôn giáo còn trực tiếp sinh ra “xu thế tư nhân hóa” (processus de privatisation) và “xu thế cá nhân hóa” (individualisation) trong đời sống đức tin và thực hành tôn giáo. Hệ quả này, là một trong những logic trực tiếp dẫn đến xu hướng cá nhân hóa niềm tin tôn giáo mà chúng tôi đang đề cập. Phân tích logic của xu hướng này, Thomas Luckmann viết: “Khi bị tách khỏi chính trị và không còn bị bắt buộc về một xã hội nữa, tôn giáo rút lui vào lĩnh vực riêng tư. Lúc đó, tôn giáo trở nên “chủ quan hơn”. Niềm tin vốn được thiết lập trên bình diện xã hội nói chung, nay lại nhường chỗ cho sự giải thích của cá nhân”⁹.

Xu hướng tư nhân hóa về tôn giáo sở dĩ có vị trí quyết định của sự hình thành khuynh hướng cá thể hóa niềm tin, theo chúng tôi là ở chỗ, *thứ nhất*, khi chủ nghĩa cá nhân đã chuyển từ giai đoạn “trừu tượng” sang giai đoạn cao hơn là chủ nghĩa cá nhân “cụ thể”, trong khung cảnh của những xã hội dân chủ thì trong lĩnh vực tôn giáo, “quyền tự chủ tối cao trong việc phán xét niềm tin” cũng thuộc về họ.

Thứ hai, tính hiện đại đã tạo nên sự chia tách tư và công; uy quyền tôn giáo không còn chỉ tùy thuộc vào giáo hội, mà cá nhân tôn giáo có thể xóa bỏ các “xiềng xích” phụ thuộc trong tôn giáo và cả đời sống dân sự có liên quan đến tôn giáo.

Thứ ba, tư nhân hóa tôn giáo ở mức độ cao còn dẫn đến tính quyết định của *chủ quan hóa tính tôn giáo*. Đây là một bước phát triển cao nhất của xu thế này, báo hiệu sự phát triển mới cao hơn của đa nguyên hóa tôn giáo¹⁰.

Như vậy là, xu hướng cá thể hóa niềm tin tôn giáo theo cách nhìn của các nhà xã hội học Âu - Mỹ được coi là “sự kiện tôn giáo” (le faits religieux) có tính cốt lõi của sự biến đổi tôn giáo. Xu hướng này có nguồn gốc từ những logic lớn trong đời sống tôn giáo và xã hội Phương Tây, đó là những hệ luận của môi trường nhà nước thế tục đã phát triển cao, tính hiện đại của thời hậu - hiện đại, và xu thế “nội bộ” của bản thân các tôn giáo, dù ở những trình độ, biểu hiện khác nhau, nhưng đều “hướng tới trần gian này, ở đây và bây giờ”¹¹. Nói cách khác, sự xuất

hiện của xu hướng cá thể hóa niềm tin không chỉ là vấn đề lựa chọn cá nhân mà còn phản ánh sự thích ứng và nhu cầu phát triển của chính các tôn giáo trong thế giới hiện đại.

2. Sự nảy sinh và phát triển của xu hướng cá thể hóa niềm tin tôn giáo

Như đã phân tích ở phần trên, trong thế giới hiện đại, nhất là trong các xã hội Âu - Mỹ, sự chuyển đổi tôn giáo đã và đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ, từ phương diện thần học, tư tưởng, giáo lý đến thiết chế, thực hành tôn giáo cũng như sự chuyển biến của tính tôn giáo, tâm thức tôn giáo. Để thấy rõ quá trình nảy sinh và phát triển của xu hướng cá thể hóa niềm tin tôn giáo, chúng ta cần tiếp tục đề cập đến những mối quan hệ của tính tôn giáo với các sự kiện xã hội, văn hóa, tâm lý như cách lý giải sự xuất hiện và phát triển của xu hướng này.

2.1. Tính hiện đại và tính tôn giáo

Có thể nói, cùng với thế tục hóa, tính hiện đại là một trong hai thực tại có tác động hết sức mạnh mẽ hàng thế kỷ qua đến đời sống tôn giáo trong các xã hội Âu - Mỹ, kể cả đến sự biến chuyển của *tính tôn giáo*.

Như đã nói ở trên, thậm chí cho đến ngày nay ở châu Âu, tính hiện đại thường được xác định như là mức độ của sự “thoát khỏi tôn giáo”. Vấn đề này được đặt ra trong thực tế đời sống tôn giáo ngay từ đầu thế kỷ XX, khi mà các xã hội châu Âu có sự thay đổi căn bản sau các cuộc cách mạng về chính trị, kinh tế (công nghiệp hóa), khoa học, văn hóa, xã hội (phong trào *Khai sáng*). Từ những quan điểm “tôn giáo như một sự kiện xã hội” (É. Durkheim), “tôn giáo và tính duy lý, chủ nghĩa khổ hạnh” (M. Weber), đã xuất hiện câu hỏi quan trọng là liệu xã hội hiện đại có dẫn đến sự sắp xếp lại vai trò, vị trí của tôn giáo hay mất ảnh hưởng trong đời sống chính trị, xã hội là điều không tránh khỏi hay không.

Nói cách khác, tính hiện đại thường xuyên xuất hiện là sự đối lập với tôn giáo và quá trình hiện đại hóa ắt dẫn đến sự suy giảm các hành vi, thực hành tôn giáo. Nhưng vấn đề không chỉ là như vậy. Đứng trước mối quan hệ tính hiện đại và tính tôn giáo, những quan điểm trên của lối tiếp cận xã hội học cổ điển về “hiện tượng tôn giáo”, nhất là những luận đề có tính kinh điển như của Durkheim (tính tôn giáo không chỉ là một “thực tại siêu nghiệm” mà còn là một “sự kiện xã hội”), đặc biệt của M. Weber (lý tính được giải phóng khỏi sự thống trị của niềm tin tôn giáo) vẫn giúp chúng ta rất nhiều trong việc cắt nghĩa sự chuyển biến tính tôn giáo hiện

nay¹². Như vậy, dù muốn hay không, “một thế giới tôn giáo đang chuyển động” trong điều kiện của tính hiện đại đã khẳng định logic mới của tính tôn giáo hiện đại là, những đặc tính xã hội và tôn giáo xã hội của mỗi cá nhân không dễ dàng được kế thừa, vai trò xã hội của họ cũng thay đổi, mỗi cá thể tôn giáo cũng có thể thực hiện sự lựa chọn của mình giữa các nguồn cung ứng tôn giáo khác nhau và cũng tùy thuộc vào sự trải nghiệm tôn giáo cá nhân.

Nếu như thể tục hóa đã “gọt giũa” (ont travaillé) tôn giáo theo hướng giảm sút thực hành tôn giáo, đẩy tôn giáo vào đời sống cá nhân và tạo điều kiện để tính hiện đại tạo ra “phong trào trần tục hóa nội bộ”, thì tính tôn giáo sẽ có tác động trực tiếp đến sự thay đổi nhận thức của các cá nhân tôn giáo theo hướng “tái tạo lòng tin” (recomposition du croire)¹³. Đây là một thời điểm hết sức quan trọng, thể tục hóa và tính hiện đại đã góp phần làm “tan rã”, “tái tạo” và “sáng tạo” những hình thái mới của tính tôn giáo cũng như một thế giới “tôn giáo đang chuyển động” mà chúng tôi đã nói ở trên.

Sự thay đổi ấy của tính tôn giáo vừa là nguyên nhân, hệ quả của sự tác động bởi tính hiện đại và tính thể tục nhưng đồng thời nó lại là động lực để tạo nên sự biến chuyển các hình thái tôn giáo mới trong thế giới hiện đại¹⁴.

2.2. Thể tục hóa và tính tôn giáo

Phân trên ít nhiều chúng tôi đã đề cập đến vai trò của thể tục hóa trong sự biến chuyển của tính tôn giáo. Để có cái nhìn đầy đủ hơn vai trò, vị trí của yếu tố “thể chế” chính trị, xã hội trong quan hệ với tôn giáo, cần có những tiếp cận đầy đủ hơn.

Mặc dù các nhà nước thể tục đã ra đời trong các xã hội Âu - Mỹ trên dưới hai thế kỷ, nhưng tranh luận về nó, đặc biệt ở thời điểm “khủng hoảng” của chủ nghĩa thể tục ở châu Âu hiện nay, người ta vẫn có thể khẳng định được những di sản quan trọng của nó, như sự tổng kết dưới đây của J. P. Willaime:

- “Sự trung lập về niềm tin của Nhà nước và quyền lực công (la puissance publique)
- Công nhận quyền tự do tôn giáo và không tôn giáo
- Tự do ý thức với mọi quyền uy triết học và tôn giáo
- Sự phản tỉnh mang tính phê phán và sự tranh luận trái ngược nhau được áp dụng vào lĩnh vực tôn giáo và chính trị”¹⁵.

Những đánh giá trên đây cũng gợi ra cho chúng ta những suy nghĩ bao quát về hệ ý thức thể tục với sự biến đổi của tính tôn giáo, trước hết là các nhân tôn giáo. Theo đó, sự biến đổi của tính tôn giáo không còn đóng khung trong môi trường thần học, giáo dục tôn giáo hay đời sống tôn giáo trong các thiết chế của họ (giáo hội, giáo phái).

Tuy vậy, cũng cần phải đi sâu hơn vào những tác động cụ thể của thể tục hóa với tôn giáo nói chung. Ý kiến của các nhà xã hội học tôn giáo châu Âu khá thống nhất về điều này. Đại thể, họ có ba nhận định cụ thể dưới đây:

Thứ nhất, tác động bao trùm và phổ biến của các nhà nước thể tục, trước hết là việc thực thi *nguyên tắc phân tách*, đã khiến cho các thiết chế tôn giáo mất vị thế quyền lực xã hội và thậm chí giảm sút uy quyền của giáo hội với cá nhân tín đồ.

Trong một cuốn sách gần đây, Cao Huy Thuần có nhận xét: “Mất quyền uy trên tín đồ, vì tín đồ không nghe lệnh của Nhà thờ nữa. Nhà thờ chống ly hôn, Giáo hoàng kết án ngừa thai, phá thai: tín đồ nghe hay không là tùy đạo đức của mỗi người”. Một nhận xét khác: “Sự đa tôn (tức đa nguyên) trong lòng tin phá vỡ quyền uy của tôn giáo truyền thống. Nhu cầu tôn giáo giảm sút, ngày càng ít người đến Nhà thờ. Nông thôn là nơi mà Nhà thờ có ảnh hưởng nhiều nhất thì càng ngày càng vắng... thì giờ dành cho hoạt động tâm linh càng ít, Nhà thờ lại càng vắng thêm. Nhà thờ vắng tín đồ, mà cũng vắng luôn cả giáo sĩ vì càng ngày người đi tu càng hiếm”¹⁶.

Thứ hai, cùng với môi trường thể tục, xu hướng đa nguyên hóa đời sống tôn giáo ở châu Âu dẫn đến nguồn cung ứng tôn giáo phong phú, nhiều chiều và tất yếu là sự “cạnh tranh thị trường tôn giáo”.

Đối với các xã hội Âu - Mỹ, việc Kitô giáo, một tôn giáo thế giới nhất thần tiêu biểu chế ngự trong lịch sử hàng nghìn năm thì việc xuất hiện khuynh hướng đa nguyên trong đời sống tôn giáo là hết sức mới mẻ. Điều này, cùng với sự hình thành và phát triển “thị trường tôn giáo” dù không sôi động như trong các xã hội châu Á nhưng cũng đem lại những cơ hội cho sự lựa chọn đức tin, hoặc nói chung là sự chuyển biến tính tôn giáo.

Mặc dù, các nhà xã hội Pháp không phải là người đầu tiên nói về khuynh hướng “thị trường tôn giáo”, nhưng họ cũng rất quan tâm đến những mô hình “tiêu thụ tôn giáo” (*consommation religieuse*), bởi vì trong

đời sống tôn giáo hiện đại ngay ở châu Âu, điều này cũng có ý nghĩa ngày một quan trọng dù ban đầu nó có vẻ không mấy thích hợp với khung cảnh “xã hội Kitô giáo” (chrétienté). Một mặt, khi xem xét logic này, các nhà xã hội học Pháp có phần dè dặt với việc “du nhập các mô hình kinh tế, thị trường vào các lý thuyết tính tôn giáo” bởi vì người Mỹ luôn coi “sự kiện tôn giáo” được hiểu ở chính cấp độ cá nhân, là một nhu cầu tâm lý nền tảng”. Nhưng mặt khác, các nhà xã hội học Pháp cũng tìm thấy logic “tiêu thụ tôn giáo” giúp ích rất nhiều thêm sự chuyển biến của tính tôn giáo trong môi trường chủ nghĩa thế tục đã chế ngự từ lâu ở châu Âu.

Chia sẻ với những nhận định của R. Starek và W. Bainbridge, những người tiếp nối nghiên cứu của P. Berger về logic thị trường tôn giáo và tiêu thụ tôn giáo, O. Bobineau viết: “Bối cảnh tôn giáo đương đại - thấy rõ ở Bắc Mỹ - đặc trưng trước hết ở sự phát triển của “thị trường” tôn giáo được giải tỏa hoạt động kinh tế, chi phối bởi quy luật cung - cầu. Song tính tôn giáo trở thành hàng hóa (ĐQH nhấn mạnh) không có nghĩa là tôn giáo tan chảy thành một khối nhão không hình thù và vô vị như P. Berger đã nghĩ. Ở đây, đúng hơn là hiện tượng “hàng hóa hóa” tính tôn giáo đóng dấu đảm bảo sức sống của nó, nhưng dưới một hình thức thích hợp hơn với nhu cầu của cá nhân duy lý, trong chừng mực ở đó sự cạnh tranh bắt buộc các “nhà thầu” tôn giáo phải gắn kết tốt hơn với nhu cầu đòi hỏi của cá nhân”¹⁷.

Một thế giới tôn giáo “đang chuyển động” trong bối cảnh toàn cầu hóa như hiện nay thì những ý kiến như trên ở các mức độ khác nhau, theo chúng tôi là rất đáng lưu tâm khi xem xét sự chuyển đổi tôn giáo. Bước phát triển mới của chủ nghĩa thế tục, tính hiện đại và sự xuất hiện của “thị trường” tôn giáo¹⁸ cũng như phân tích của O. Bobineau nói trên, khiến chúng tôi phải nhấn mạnh rằng, tính tôn giáo thời hiện đại không chỉ được quyết định bởi những “logic lớn” như đặc tính tôn giáo mà cá nhân hoặc cộng đồng ấy tiếp nhận, cũng không chỉ đặt nó trong bối cảnh lịch sử, văn hóa, tâm lý dân tộc và cộng đồng mà còn phải đặc biệt lưu tâm đến vai trò của mỗi chủ thể tiếp nhận tôn giáo. Mỗi cá thể tiếp nhận tôn giáo ngày hôm nay, không chỉ dựa vào “tính tôn giáo vốn có” với một chuyển động tự nhiên mà còn phải chú ý đến những yếu tố mới như sự thay đổi tính thích nghi với các thiết chế tôn giáo, những kinh nghiệm sống đạo lâu đời, đồng thời cũng thích nghi với những đòi hỏi mới của quy luật cung - cầu, của các “nhà thầu tôn giáo” trong những siêu thị tôn giáo ngày càng phổ biến.

Lẽ dĩ nhiên, khi nhu cầu tôn giáo mới ấy trở thành sự kiện tâm lý và mang tính cá nhân của sự lựa chọn tôn giáo hiện nay thì nó vẫn luôn chịu sự tác động của thiết chế xã hội, thiết chế các tôn giáo truyền thống dù muốn hay không. Một lần nữa, những chỉ dẫn của M. Weber về tính duy lý, hợp lý nói cho cùng cũng không bị giới hạn ở sự tính toán lợi ích vẫn hoàn toàn có giá trị khi phân tích sự chuyển biến của tính tôn giáo hiện nay.

Thứ ba, một hệ luận quan trọng khác của sự biến đổi tôn giáo trong môi trường thế tục là ở chỗ, sự suy giảm thể chế của các tôn giáo còn dẫn đến quá trình *tư nhân hóa tôn giáo* (la privatisation de la religion), trong điều kiện bị tách khỏi quyền lực chính trị và suy giảm ảnh hưởng xã hội. Từ đó, tính tôn giáo trở nên “chủ quan hóa” hơn: cá nhân có thể quyết định sự ra đời của các tôn giáo mới mà trong nhiều trường hợp có vẻ như không cần tính đến “yếu tố xã hội”. Trong các tôn giáo truyền thống, nhất là các tôn giáo lớn nhất thần, niềm tin, giáo lý của chúng như được “khách quan hóa” mà người tín đồ được tiếp nhận qua khai thị, truyền giáo và tu tập. Ngày nay, niềm tin ấy như được “chủ quan hóa” ở chỗ nó sẽ được tín đồ tự lựa chọn và trải nghiệm cá nhân, vai trò người truyền giáo bị giới hạn rất nhiều. Thậm chí, “Thần học giáo hội” cũng thay đổi lớn, tổ chức tôn giáo không còn là một khuôn mẫu, một văn cảnh “sống đạo” mà chỉ còn ý nghĩa nào đó của một “phương tiện của sự thực hành niềm tin”,...

Đây là một nhận định quan trọng khác về logic của sự cá thể hóa niềm tin tôn giáo. Theo logic này, cá nhân tôn giáo không chỉ tự quyết định lựa chọn *thực đơn* tôn giáo có sẵn như trong các tôn giáo truyền thống, cũng không chỉ là việc chuyển đổi các tôn giáo đã lựa chọn (cải giáo) mà còn có thể “sáng lập” ra những tôn giáo mới, bất chấp các điều kiện xã hội, văn hóa. Nhận xét tinh tế này rõ ràng giúp ta nhận diện được rất nhiều trường hợp các “hiện tượng tôn giáo mới”, một vấn đề lớn, toàn cầu trong đời sống tôn giáo thế giới từ giữa thế kỷ XX đến nay.

Như vậy, xu hướng *cá thể hóa niềm tin* trong ngữ, nghĩa của nó (L'individualisation) chứa đựng ý nghĩa tư tưởng triết học bao trùm thuộc phạm trù cá nhân luận (Personnalisme), còn quá trình *tư nhân hóa* (Privatisation) niềm tin tôn giáo chỉ một khái niệm cụ thể hẹp hơn với mỗi cá nhân tôn giáo. Cũng cần lưu ý rằng, đi liền với logic tư nhân hóa tôn giáo tất yếu sẽ dẫn đến trạng thái cao của nó là *chủ quan hóa niềm tin* (Subjectivisation du croire). Khi cá nhân tôn giáo đạt tới điều này, niềm

tin tôn giáo trong họ trước đây vốn là những thực tại được khách quan hóa, có sẵn và nuôi dưỡng trong đời sống tôn giáo thì nay lại phụ thuộc phần lớn vào nhận thức cá nhân do chính họ trải nghiệm và quyết định. Về mặt nào đó, điều này phản ánh sự tiến bộ, xu thế dân chủ hóa trong đời sống tôn giáo, đề cao vai trò cá nhân, tôn giáo cá thể nhưng mặt khác lại báo hiệu những thách thức mới mẻ của đời sống tôn giáo mà không ít trường hợp đã dẫn đến sự đối lập, nghi kỵ, e ngại của cộng đồng.

2.3. Chủ nghĩa cá nhân “cụ thể” và tính tôn giáo

Có thể nói, sự biến đổi của tính tôn giáo hiện nay chủ yếu bị tác động của hai nhân tố trên, tính hiện đại và tính thế tục. Tuy vậy, việc chủ nghĩa cá nhân (nói đúng hơn là *cá nhân luận*) có những sự biến đổi như hiện nay cũng có tác động không nhỏ cho sự chuyển biến tính tôn giáo.

Chúng ta biết rằng, về đại thể, chủ nghĩa cá nhân đến thập niên 60 đã kết thúc giai đoạn đầu tiên của nó mà người ta gọi là giai đoạn *chủ nghĩa cá nhân “trừu tượng”*. Giai đoạn mới của *cá nhân luận*, từ đó đến nay được gọi là *chủ nghĩa cá nhân “cụ thể”*. Thực ra, cũng chưa thấy các nhà xã hội học tôn giáo chỉ rõ tác động của nó đến sự chuyển biến tính tôn giáo, đặc biệt là xu hướng *cá thể hóa niềm tin*.

Nhưng đây đó, người ta đã nói tới chủ nghĩa cá nhân cụ thể, trong bối cảnh của tính hiện đại hiện nay thường đóng vai trò *khớp nối* giữa tính hiện đại và sự chuyển biến của tính tôn giáo. Điều đó có nghĩa là, thêm một lần, vai trò của cá thể tôn giáo (trong khung cảnh chủ nghĩa cá nhân cụ thể đã phát triển đến mức độ khá cao) đã giúp không ít việc tôn giáo “sống sót” và lựa chọn, biến đổi tính tôn giáo thích hợp.

Mặt khác, *chủ nghĩa cá nhân cụ thể*, trong khung cảnh khủng hoảng của sự “giải thể chế” của các tôn giáo lớn, đã kích thích cá nhân tìm đến những con đường “giải thiết chế hóa niềm tin” của các tôn giáo truyền thống, hội nhập vào thị trường tôn giáo mới. Trong quá trình chuyển đổi phức tạp như thế, cần chú ý hai điểm. Một mặt, *chủ nghĩa cá nhân cụ thể* khiến các tín đồ có thể vượt qua tình trạng sự can thiệp của các thiết chế tôn giáo với thực hành tôn giáo để có thể có một thứ “thực hành tôn giáo cá nhân trọn vẹn”.

Mặt khác, sự chia tách lĩnh vực tư và lĩnh vực công trong đời sống tôn giáo cũng khiến cho các cá nhân có thêm điều kiện để phá vỡ những ràng buộc thuộc phạm vi cá nhân với nhau trong tổ chức tôn giáo để tạo ra những “mắt xích” liên hệ mới. F. de Singly cũng đã nhận xét: “Chủ nghĩa

cá nhân trong tôn giáo đã khớp nối những phương thức chủ nghĩa cá nhân hiện đại. Một mặt, người ta quan sát thấy sự giảm bớt của các thiết chế và cộng đồng tôn giáo (hiện tượng giải thiết chế hóa của lòng tin) và sự khủng hoảng của các tôn giáo truyền thống¹⁹. Đi sâu vào những biểu hiện của “phong trào cá thể hóa niềm tin”, chữ mà có lẽ J. L. Schlegel là người dùng đầu tiên khi cuốn sách *Các tôn giáo tùy chọn* của ông ra mắt. J. L. Schlegel cho rằng: “Uy quyền tôn giáo không còn có thể lấn át chủ quyền cá nhân được nữa và không thể can dự vào thực tiễn chính trị và sự ưa thích tình dục. Đối với người đương thời chúng ta, những hoạt động thực hành thuộc phạm vi tính toàn vẹn cá nhân không còn có thể làm đối tượng cho sự can dự từ phía các thiết chế tôn giáo. Đó cũng là lúc có sự phân tách giữ lĩnh vực tư và lĩnh vực công, bắt đầu của tính hiện đại”²⁰.

Như vậy, chủ nghĩa cá nhân hiện đại cũng góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy xu hướng cá nhân hóa niềm tin. Riêng đối với người Pháp, một dân tộc luôn coi cốt lõi trong “nhân cách cơ bản” của họ đó là *tính thể tục* và lòng *say mê độc lập, tự chủ* của mỗi cá nhân. Như đã nói ở trên, là một nước tiêu biểu cho loại hình “nhà nước thể tục hệ tư tưởng” (Laïcité idéologique), tính chất công dân và xã hội đã dồn tôn giáo vào lĩnh vực riêng tư, khiến cho sự lựa chọn chuẩn mực đạo đức của người Pháp cũng như trong lĩnh vực đức tin luôn đặt trong mối quan hệ tam giác: xã hội, Giáo hội và Nhà nước. Trong một nghiên cứu quan trọng về “Tương lai của bản sắc Pháp” đầu thế kỷ XXI đã có nhận xét “không còn nghi ngờ gì nữa khi nói rằng phát minh chính của nước Pháp hiện đại và nét đặc thù chủ yếu của nước Pháp là ở thể chế thể tục trung lập phi tôn giáo... Cho đến nay, tính trần tục ấy đã mất nhiều uy tín do một số biểu hiện tôn giáo theo quan điểm *toàn thủ* (intégriste) rất xa lạ với tư tưởng về tự do cá nhân, so với ngay cả của Thiên Chúa giáo ở thế kỷ XIX”²¹.

P. Bréchon, người chủ trì cuộc điều tra nghiên cứu về *Những giá trị của người Pháp* năm 1999 và 2003 đã có nhận định rằng: “Quan hệ Nhà nước thể tục, chính trị - xã hội nước Pháp đã ảnh hưởng lớn đến bước tiến triển của giá trị tôn giáo ở Pháp so với các nước châu Âu khác”, và ông còn nói rõ thêm “cá thể hóa niềm tin tôn giáo và khuynh hướng tư tưởng Hậu-Duy vật chủ nghĩa là hai yếu tố quan trọng của khuynh hướng hệ giá trị Pháp nói chung...”²².

Những nhận xét như vậy giúp chúng ta hiểu rõ hơn thực trạng của sự biến chuyển tính tôn giáo của người Pháp trong bối cảnh có tính “đặc thù”

của một đất nước có vị trí trung tâm giao lưu trực Bắc - Nam châu Âu. Dĩ nhiên, sự biến chuyển ấy cũng gắn chặt với phương diện nhu cầu tôn giáo, cũng như từ phía cung ứng nhu cầu tôn giáo của thị trường tôn giáo. Theo logic đó, các nhà xã hội học Pháp đã nhận định tiếp rằng, quá trình cá thể hóa niềm tin tôn giáo với người Pháp luôn gắn chặt tiêu chuẩn chân lý của đức tin đã trở thành sự trải nghiệm cá nhân, và đó là phương thức thích ứng của cá nhân của tính hiện đại, trong một chừng mực nào đó luôn được coi là hình thức giải thoát khỏi sự không tương.

Trong khuôn khổ của xu hướng cá thể hóa niềm tin tôn giáo mà chúng ta đề cập ở đây thì ý kiến của L. Hourmant và T. A. Tweed có thể coi là tiêu biểu khi họ nhấn mạnh rằng, sự cuốn hút của Phật giáo với Phương Tây hiện nay vì nó có khả năng mở ra con đường tâm linh, tạo nên một thứ minh triết cá nhân, trong đó hòa trộn với những yếu tố “Phương Tây hóa”, “cho phép mỗi người lựa chọn con đường và trường phái thích hợp nhất với nhu cầu của mình và với nhân cách, sự quân bình, giảm áp lực trong cuộc sống, sức khỏe, lòng trắc ẩn và hơn nữa còn có thể phát triển cá nhân ở những chiều kích mà chủ nghĩa duy lý của Phương Tây khó có thể giải quyết được”²³.

2.4. Cá thể hóa niềm tin tôn giáo theo “những nguyên tắc” nào?

Xu hướng cá thể hóa niềm tin tôn giáo trong các xã hội Âu - Mỹ một vài thập niên gần đây, theo chúng tôi, là xu hướng cơ bản và quan trọng nhất trong sự chuyển đổi tôn giáo nói chung. Qua sự phân tích nội dung và biểu hiện của nó, bước đầu chúng tôi đưa ra một số nhận xét về “những nguyên tắc” của sự hình thành và phát triển xu hướng đó.

Thứ nhất, nguyên tắc đầu tiên, phổ biến là vai trò quyết định của các cá nhân trong việc “tùy chọn niềm tin”, tự phán xét chân lý đức tin cũng như khẳng định “động lực tạm thời” của các cá nhân trong việc thiết lập hoặc lựa chọn tôn giáo riêng cho mình. Rõ ràng, nguyên tắc đề cao chủ thể cá nhân và tính tự quyết trong lựa chọn niềm tin trong các xã hội Âu - Mỹ được khẳng định trước hết bởi sự mất ảnh hưởng của các thiết chế tôn giáo đối với con người và xã hội. Sự suy giảm thực hành nghi lễ và vai trò quyền bính của Giáo hội, giới tăng lữ trong Kitô giáo, những yếu tố được coi là quyết định sự phát triển của tôn giáo đã trực tiếp dẫn đến nguyên tắc này. Trong phần tiếp theo, khi chúng tôi khu biệt hóa các loại hình của xu hướng cá thể hóa niềm tin tôn giáo, điều này sẽ được làm rõ hơn.

Thứ hai, trong bối cảnh *thị trường tôn giáo* hình thành và phát triển từ nửa cuối thế kỷ XX đến nay, dù các khu vực, châu lục trên thế giới có khác nhau về mức độ và sự tác động của thị trường này, nhưng mối quan hệ mới mẻ giữa *phía cung* và *phía cầu* làm thay đổi căn bản mô thức tồn tại của các loại hình tôn giáo truyền thống (chủ yếu là “từ trên xuống”).

Nguyên tắc này quan trọng là ở chỗ, cá nhân tôn giáo không chỉ tự lựa chọn mà còn có thể quyết định hình thù và tính cách, phương thức tồn tại của “cái tôn giáo mới” ấy. Nếu như nguyên tắc trên mở ra “khả năng” cho xu hướng cá thể hóa niềm tin thì việc xuất hiện các thị trường tôn giáo sẽ thúc đẩy xu hướng này sớm có tính hiện thực. Có lẽ, nguyên tắc thứ hai này thể hiện rõ nhất trong quá trình hình thành và phát triển *hiện tượng tôn giáo mới* hiện nay.

Thứ ba, trong quan hệ với *tính hiện đại* và *không gian thế tục hóa*, dù chịu nhiều áp lực như đã phân tích ở phần trên, nhưng xu hướng cá thể hóa niềm tin tôn giáo vẫn có thể tìm cho mình phương thức thích ứng của cá nhân và các “cộng đồng tôn giáo mới” của họ. Đó là nguyên tắc thích ứng với các “dữ liệu văn hóa, tôn giáo” của tính hiện đại, thế tục hóa, dưới hình thức “thoát khỏi sự không tương”.

Như đã phân tích ở phần trên, tính hiện đại không chỉ tác động đến sự biến chuyển thần học, sự giải thích đức tin, giáo lý và đôi khi cả giáo luật nữa. Thậm chí, tính hiện đại còn “lặn vào bên trong” các thực thể tôn giáo và làm thay đổi sự vận hành của chúng. Hệ quả là tính tôn giáo, tình cảm tôn giáo thay đổi dẫn đến sự tan rã, tái tạo lại ngay cả “niềm tin tôn giáo”. Để có được sự thích ứng ấy, xu hướng cá nhân hóa niềm tin tôn giáo còn tạo ra cho mình một “nguyên tắc tiên quyết”, đó là sự trải nghiệm tôn giáo cá nhân, luôn gắn với “tính hiện thực”, điều mà các tôn giáo truyền thống khó có thể có được.

Thứ tư, một nguyên tắc khác của sự biến thể niềm tin tôn giáo này là ở chỗ, bất luận dù nó diễn ra dưới hình thức nào thì vẫn phải đảm bảo nguyên tắc *cá thể hóa kinh nghiệm tôn giáo* (L' individualisation de l'expérience religieuse).

Trước hết, chúng ta cần xem xét kinh nghiệm tôn giáo là gì và nó đã được hình thành như thế nào. Có thể nói, kinh nghiệm tôn giáo nhất là ở các cộng đồng tôn giáo lớn, người tín đồ thường được tiếp nhận những kinh nghiệm ấy qua răn dạy (trường tôn giáo, gia đình, đặc biệt qua giáo

huấn của các giáo sĩ) và qua đời sống tôn giáo nói chung. Những kinh nghiệm ấy, thường có tính ổn định, kế thừa và một chiều.

M. Weber khi xây dựng lý thuyết về những dạng quyền lực tôn giáo (types d'autorité religieuse) với hai hình thức *quyền lực lý trí - hợp pháp* và *quyền lực phép màu*, đã gián tiếp chỉ ra cho chúng ta căn nguyên của thứ kinh nghiệm tôn giáo ấy. Cũng nói thêm rằng để thực thi hai loại quyền lực nói trên các tôn giáo lớn thường qua ba nhân vật: *linh mục*, M. Weber gọi nó là “quyền lực quan liêu về cứu rỗi; *thầy pháp*, đó là quyền lực truyền thống được công nhận; và *nhà tiên tri*, được coi là quyền lực cá nhân đã qua thử thách và có tính dự báo²⁴.

Đối chiếu vào sự phân tích đó chúng ta dễ dàng nhận thấy những kinh nghiệm tôn giáo mà người tín đồ thu nhận được trước đây chủ yếu qua *linh mục*, *mục sư*, *đạo trưởng* (của Do Thái giáo)... Nhưng hiện nay, khi kinh nghiệm tôn giáo được cá thể hóa thì chắc chắn ảnh hưởng của các *nhà tiên tri*, các *Thầy* trở nên quan trọng hơn. Điều này, cũng giúp chúng ta có thể cắt nghĩa sự xuất hiện các Guru của Phong trào Tôn giáo mới hiện nay...

Đề cao chủ thể cá nhân trong trải nghiệm kinh nghiệm tôn giáo còn giúp họ đưa ra được những khái niệm mới về tính tôn giáo như *không tôn giáo*, *có niềm tin* (sans religion, croyance) và một khái niệm rất gần gũi nhưng có sự khác biệt rất tinh tế về cảm thức tôn giáo đó là *không tôn giáo*, *không niềm tin* (sans religion, incroyants)²⁵.

Vậy là, lần đầu tiên trong đời sống tôn giáo ở các xã hội Âu - Mỹ đã xuất hiện một nguyên tắc mới mẻ, trái ngược với truyền thống “quy đạo” của những người Kitô hữu, đó là nguyên tắc tự trải nghiệm về kinh nghiệm tôn giáo. Một mặt, nguyên tắc này khắc phục tính nhất thể chế của giáo luật, giáo lý trong sinh hoạt tôn giáo, nhưng mặt khác nó dễ dẫn đến tình trạng mất ổn định và thiếu bền vững trong niềm tin tôn giáo.

Tóm lại, nhìn một cách đại thể sự biến chuyển niềm tin tôn giáo, nói riêng là sự hình thành và phát triển của *xu hướng cá nhân hóa niềm tin* không những phản ánh hệ luận của những logic lớn trong đời sống tôn giáo mà còn dần dần hình thành những “nguyên tắc” để tồn tại và phát triển những xu hướng mới mẻ trong sự chuyển đổi niềm tin tôn giáo.

Đến đây, một vấn đề lớn khác được đặt ra là, liệu sự biến đổi tôn giáo mà cái cốt lõi của nó là sự biến đổi tính tôn giáo, niềm tin tôn giáo có ảnh

hường gì đến chức năng xã hội và tôn giáo của nó? Chú tâm vào mối liên hệ xã hội của tôn giáo, Durkheim đưa ra luận điểm “tư tưởng xã hội là linh hồn của tôn giáo” và “tôn giáo là một thể lực” hay “tính năng động của tình cảm tôn giáo” (*dynamique du sentiment religieux*)²⁶, ít nhất cũng cho chúng ta một gợi ý. Tính năng động của tình cảm tôn giáo, cao hơn là sự chuyển biến ngày một rõ nét hơn của tính tôn giáo tất yếu sẽ dẫn đến hiện tượng *tái cấu hình đời sống tôn giáo* trong bối cảnh toàn cầu hóa mở cửa của hội nhập và kéo theo những dạng thức mới trong mối quan hệ tôn giáo và xã hội.

(Kỳ sau đăng tiếp)

CHÚ THÍCH:

- 1 J. P. Willaime (2004), “L’ approche sociologique des faits religieux”, trong cuốn *Religions et Modernité*, (S. de J. M. Husser), ed. Academie de Versailles: 99.
- 2 J. P. Willaime (2004), “L’ approche sociologique des faits religieux”, *ibid*: 102.
- 3 Peter Berger (éd., 1999), *The Desecularization of The World*, Washington, Eerdmans: 1-18.
- 4 J. Ségué (1998), “Modernité religieuse, religion metaphorique et rationalité”, *Archives de sciences sociales, des religions*, Vol. 67, N^o. 2: 192.
- 5 Xem: O. Bobineau, S. Tank - Storper, *Sociologie des religions*, 2 édition, Ed. Armand Colin. Cuốn sách này được Hoàng Thạch dịch, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2012. Bản dịch đã lược bỏ một số đoạn trong nhiều chương. Trong bài này, chúng tôi sử dụng bản gốc tiếng Pháp, có tham khảo bản dịch.
- 6 Xem: *La globalisation du religieux*, S. de J. P. Bastian F. Champion, et K. Rousslet, éd. L. Harmattan, Paris, 2001. Cũng có thể tham khảo bài viết của chúng tôi.
- 7 Xem: Bryan Wilson (1985), “Aspects of Secularization in the West”, *The British Journal of Sociology*, N^o. 36: 315 - 332.
- 8 Xem: P. Berger (2001), ...
- 9 Có lẽ, Thomas Luckmann là người đầu tiên khẳng định tầm quan trọng của xu hướng tư nhân hóa tôn giáo đến mức nó có vị trí hàng đầu trong biến đổi đời sống tôn giáo trong cuốn “*The Invisible Religion in Modern Society*”, New York, Macmillan, 1967: 399.
- 10 Đây là những phát hiện quan trọng trong khoảng hai thập niên trở lại đây của nhiều nhà xã hội học nổi tiếng. Chẳng hạn, năm 1992, với R. Lemieux về “Các tôn giáo của người Québec”; F. Champion và D. Hervieu - Léger (1990) về “Những nghịch lý của tính tôn giáo” ở châu Âu ngưỡng cửa thế kỷ XXI; của F. de Singly (2005) về sự phát triển của chủ nghĩa cá nhân và tôn giáo, ...
- 11 Những nghiên cứu bao quát về sự chuyển biến của tính tôn giáo trong các xã hội Âu – Mỹ và hẹp lại là xu hướng cá thể hóa niềm tin trước hết cần tìm trong những tác giả tiêu biểu như: Y. Lambert (2002) “Tôn giáo châu Âu trước bước ngoặt” (*Religion, l Europe à un tournant*); A. Ehrenberg (1995) *Cá nhân lưỡng lự* (*L Individu incertain*); J. P. Willaime (1999, 2004) với những nghiên cứu về

- “tái cấu trúc thế giới bên trong của Tin Lành”. Trong cuốn “Sociologie des religions”, O. Bobineau và S. Tank - Storper đã tổng hợp được khá đầy đủ những nghiên cứu như thế, đặc biệt nhấn mạnh những lý lẽ của “Những niềm tin hướng về trần gian này” (Des croyances orientées vers ce monde - ci), bắt nguồn từ luận thuyết “đa thần giáo giá trị” (polythéisme des valeurs) của M. Weber, p. 97 - 98.
- 12 Sự suy giảm của tính tôn giáo cũng như hành vi tôn giáo còn được tiếp cận bởi những cách tiếp cận khác như nhân học (Feuerbach), kinh tế học (Marx) hoặc tâm lý học (Freud). Nhưng nói chung, kể cả lối tiếp cận xã hội học của É. Durkheim và M. Weber mà chúng tôi nhắc đến trên đây đều là lối tiếp cận xã hội học các hiện tượng tôn giáo truyền thống. Ngày nay, lối tiếp cận xã hội học tôn giáo đã có những thay đổi quan trọng, tuy vậy, nó không phải là đối tượng nghiên cứu của bài này.
 - 13 Xem: O. Bobineau, S. Tank - Storper, *Sociologie des religions*, sđd: 69, nguyên văn tiếng Pháp.
 - 14 Giới xã hội học hiện đại khi tiếp cận các thực thể tôn giáo thường chú trọng ba khuynh hướng: Chủ nghĩa tôn giáo cấp tiến (Le radicalisme religieux); khuynh hướng các hình thức tôn giáo hỗn hợp với đặc tính “hỗn tạp huyền bí - bí truyền” (nibubeuse mystique - ésotérique); những vấn đề mới của “giáo phái”,... F. Champion cho rằng các khuynh hướng trên “có thiện cảm” với tính hiện đại, một thứ tình cảm tôn giáo “bồng bênh”,... Chúng tôi chỉ đề cập vấn đề phức tạp, mới mẻ này trong quan hệ với sự chuyển biến của tính tôn giáo mà thôi.
 - 15 Jean-Paul Willaime (2004), *Europe et Religions*, Les enjeux du XXI siècle, Paris, Fayard: 44 - 52.
 - 16 Cao Huy Thuần (2006), *Tôn giáo và xã hội hiện đại*, Nxb. Thuận Hóa, Thừa Thiên - Huế: 70, 75.
 - 17 Xem: O. Bobineau, S. Tank - Storper, *Sociologie des religions*, sđd: 106 - 107.
 - 18 Lý thuyết “thị trường tôn giáo” đặc biệt trong mối quan hệ với tính hiện đại là một vấn đề mới mẻ nhất là trong các xã hội châu Á, thu hút sự tranh luận sôi động. Ở một góc độ, “xã hội và chính trị” hơn, nghiên cứu của Dương Phương Cương về *ba thị trường tôn giáo đỏ, đen và xám* ở Trung Quốc đã trở nên nổi tiếng, mặc dù nhiều nhà xã hội học Âu - Mỹ cho rằng luận điểm của tác giả này đã có phần đi chệch khỏi nguồn gốc, phạm vi của lý thuyết thị trường tôn giáo. Chúng tôi cũng bộc lộ cách nhìn của mình về điều này trong bài viết
 - 19 F. de Singly (2005), *L'individualisme est un humanisme*, Éditions de l'Aube: 112.
 - 20 Jean-Louis Schlegel (1995), *Religions à la carte*, Ed. Hachette, Paris: 81.
 - 21 E. Le Roy Ladurie (1999), *Nước Pháp bước vào thế kỷ XXI*, Chu Tiến Ánh dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 489.
 - 22 P. Bréchon (2003), *Les valeurs des Français*, éd. Amnand Colin, Paris: 305 - 308.
 - 23 L. Hourmant (2000), “L’attrait du bouddhisme en Occident”, *Sciences Humaines*, Juin: 28 - 31; xem thêm: Thomas A Tweed (2000), *The American Encounter with Buddhism, 1844 - 1912*, Bloomington, Indiana University Press.
 - 24 Những nhận xét đáng chú ý này của M. Weber trong cuốn *Économie et Société*, Tome 2, bản dịch tiếng Pháp. Phần viết của ông về các nhân vật tôn giáo này từ trang 172 - 175 và trang 190 - 196, sách trên.

25 P. Bréchon (2003), *Les valeurs des Français*, sđd: 299.

26 Xem: J. C. Filloux (1990), “Personne et sacré chez Durkheim”, *Archives des sciences sociales des religions*, N^o. 69: 45.

Abstract

THE TENDENCY OF THE INDIVIDUALIZATION OF FAITH AT PRESENT

In the recent decades, there have been complex changes in religions and even the religiosity, faith, religious emotion that have caused many difficulties in explaining “the new religious movements” and religions in general. At present, the sociologists of religion in the Europe and the United State of America are discussed on the “religious switching” such as the conversion, the integration of churches, new sects or even “digging” the whole of a religion, etc.. This text examines these tendencies. In my opinion, “the tendency of the individualization of faith” is a popularity and the core of the religious switching. It also explains “the logical switching of the religiosity” and its trends. Basing on the method of typology, it shows four specific forms of the tendency of the individualization of faith with their features and manifestations. This research contributes to approach the diversity and complexity of religions in the religious life in the contemporary Vietnam, especially “the new religious movements”.

Keywords: “Religious switching”, religiosity, religious consciousness, modernity, secularization, individualization of faith.